

Số: /2021/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị
chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế
tuyến xã;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trong lĩnh vực y tế đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng không có quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

b) Các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

1. Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại Quyết định này là mức tối đa.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng mua cụ thể đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất công việc chuyên môn được giao phụ trách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

3. Không sử dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế làm căn cứ để tính toán mức thanh toán chi phí cụ thể giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở y tế.

Điều 3. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang quản lý

1. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang có 31 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 230 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy có 28 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 140 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

3. Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang có 32 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 190 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

4. Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang có 09 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 26 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).

5. Bệnh viện Phổi tỉnh Hậu Giang có 12 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 25 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).

6. Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ có 25 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 91 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo).

7. Trung tâm Y tế huyện Long Mỹ có 12 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 21 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

8. Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy có 23 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 29 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo).

9. Trung tâm Y tế huyện Phụng Hiệp có 22 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 13 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo).

10. Trung tâm Y tế huyện Châu Thành có 21 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 33 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục X kèm theo).

11. Trung tâm Y tế huyện Châu Thành A có 24 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 74 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo).

12. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang có 05 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 171 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo).

13. Trung tâm Pháp Y tỉnh Hậu Giang có 04 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 27 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo).

14. Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm - Thực phẩm - Thiết bị Y tế tỉnh Hậu Giang có 168 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo).

15. Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Hậu Giang có 06 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 45 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo).

16. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hậu Giang có 06 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo).

17. Trung tâm Y tế thành phố Vị Thanh có 05 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 38 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo).

18. Trung tâm Y tế thành phố Ngã Bảy có 05 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù; 38 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; 62 danh mục máy móc, thiết bị Trạm Y tế xã (chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo).

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh.

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị và quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của tổ chức, cơ quan, đơn vị theo phân cấp và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp có thay đổi về nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cần phải điều chỉnh thì Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2021. Được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giám đốc: Sở Y tế, Sở Tài chính; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.LHT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thu Ánh